

# QUYỀN SỞ HỮU

Khái niệm

Nội dung quyền sở hữu

Quyền chiếm hữu

Quyền sử dụng

Quyền định đoạt

# QUYỀN SỞ HỮU

## Khái niệm

Là tổng hợp một hệ thống các quy phạm pháp luật do Nhà nước đặt ra để điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực chiếm hữu, sử dụng, định đoạt các tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng trong xã hội.

## Nội dung quyền sở hữu

Quyền chiếm hữu

Quyền sử dụng

Quyền định đoạt

## QUYỀN SỞ HỮU

### Khái niệm

### Nội dung quyền sở hữu

#### Quyền chiếm hữu

#### Quyền sử dụng

#### Quyền định đoạt

Quyền chiếm hữu của chủ sở hữu  
(Điều 186 Bộ luật dân sự năm 2015)

Chủ sở hữu được thực hiện mọi hành vi theo ý chí của mình để nắm giữ, chi phối tài sản của mình nhưng không được trái pháp luật, đạo đức xã hội.

Quyền chiếm hữu của người được chủ sở hữu ủy quyền quản lý tài sản (Điều 187 Bộ luật dân sự năm 2015)

1. Người được chủ sở hữu ủy quyền quản lý tài sản thực hiện việc chiếm hữu tài sản đó trong phạm vi, theo cách thức, thời hạn do chủ sở hữu xác định.

2. Người được chủ sở hữu ủy quyền quản lý tài sản không thể trở thành chủ sở hữu đối với tài sản được giao theo quy định tại Điều 236 của Bộ luật này.

Quyền chiếm hữu của người được giao tài sản thông qua giao dịch dân sự (Điều 188 Bộ luật dân sự năm 2015)

1. Khi chủ sở hữu giao tài sản cho người khác thông qua giao dịch dân sự mà nội dung không bao gồm việc chuyển quyền sở hữu thì người được giao tài sản phải thực hiện việc chiếm hữu tài sản đó phù hợp với mục đích, nội dung của giao dịch.

2. Người được giao tài sản có quyền sử dụng tài sản được giao, được chuyển quyền chiếm hữu, sử dụng tài sản đó cho người khác nếu được chủ sở hữu đồng ý.

3. Người được giao tài sản không thể trở thành chủ sở hữu đối với tài sản được giao theo quy định tại Điều 236 của Bộ luật này.



## QUYỀN SỞ HỮU

### Khái niệm

### Nội dung quyền sở hữu

#### Quyền chiếm hữu

#### Quyền sử dụng

#### Quyền định đoạt

**Khái niệm:** Quyền sử dụng là quyền khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản. Quyền sử dụng có thể được chuyển giao cho người khác theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

**Quyền sử dụng của chủ sở hữu:** Chủ sở hữu được sử dụng tài sản theo ý chí của mình nhưng không được gây thiệt hại hoặc làm ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác.  
(Điều 190 Bộ luật dân sự năm 2015)

**Quyền sử dụng của người không phải là chủ sở hữu:** Người không phải là chủ sở hữu được sử dụng tài sản theo thỏa thuận với chủ sở hữu hoặc theo quy định của pháp luật.  
(Điều 191 Bộ luật dân sự năm 2015)

## QUYỀN SỞ HỮU

### Khái niệm

### Nội dung quyền sở hữu

#### Quyền chiếm hữu

#### Quyền sử dụng

#### Quyền định đoạt

**Khái niệm:** Quyền định đoạt là quyền chuyển giao quyền sở hữu tài sản, từ bỏ quyền sở hữu, tiêu dùng hoặc tiêu hủy tài sản.

**Điều kiện thực hiện quyền định đoạt:** Việc định đoạt tài sản phải do người có năng lực hành vi dân sự thực hiện không trái quy định của pháp luật. Trường hợp pháp luật có quy định trình tự, thủ tục định đoạt tài sản thì phải tuân theo trình tự, thủ tục đó.  
(Điều 193 Bộ luật dân sự năm 2015)

**Quyền định đoạt của chủ sở hữu.** Chủ sở hữu có quyền bán, trao đổi, tặng cho, cho vay, để thừa kế, từ bỏ quyền sở hữu, tiêu dùng, tiêu hủy hoặc thực hiện các hình thức định đoạt khác phù hợp với quy định của pháp luật đối với tài sản.  
(Điều 194 Bộ luật dân sự năm 2015)

**Quyền định đoạt của người không phải là chủ sở hữu:** Người không phải là chủ sở hữu tài sản chỉ có quyền định đoạt tài sản theo ủy quyền của chủ sở hữu hoặc theo quy định của luật  
(Điều 195 Bộ luật dân sự năm 2015)

**Hạn chế quyền định đoạt (Điều 196 Bộ luật dân sự năm 2015)**